

Bản án số: 84/2024/DS-ST

Ngày: 09/9/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S. Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997, địa chỉ: Số D, đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 447/2024/UQSVN ngày 01/02/2024 – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần S đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Lam T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy D cầm cố tài sản cho Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố ngày 29/11/2023 và được đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ trang web <https://dktructuyen.moj.gov.vn> số: S5M231101006NA18X ngày 29/11/2023. Theo đó tài sản cầm cố là: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA, Loại: Wave RSX, Biển số: 83P3-393.20, Số khung RLHJF3803GY105246, Số máy: JA38E0222805, Giấy chứng nhận đăng ký số: 166005 do Công an tỉnh S cấp ngày 09/01/2018. Số tiền cầm cố: 6.240.000 đồng, thời hạn cầm cố: 06 tháng, ngày giải ngân: 29/11/2023. Lãi suất 1,1%/ tháng, phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0,5% số tiền cầm cố/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí mượn xe: 3% số tiền cầm cố/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán, Chi phí tố tụng: 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Nguyễn Thị Thùy D mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 29/11/2023 đến 29/12/2023. Bà Nguyễn Thị Thùy D có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, bà Nguyễn Thị Thùy D đã thanh toán cho Công ty số tiền 4.065.587 đồng, trong đó tiền gốc: 3.045.727 đồng, tiền lãi: 1.172.772 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 78.533 đồng, phí phạt trễ hạn: 32.236 đồng, phí mượn xe 736.320 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà Nguyễn Thị Thùy D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Nay Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô đã cầm cố theo cam kết trên Giấy mượn xe ký ngày 29/11/2023. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thùy D không trả lại xe theo giấy mượn xe buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 04/6/2024 là 5.165.162 đồng. Trong đó tiền gốc: 3.194.273 đồng, tiền lãi trong hạn 70.646 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 32.112 đồng, tiền lãi quá hạn 159.686 đồng, phí mượn xe 1.123.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 255.542 đồng, chi phí tố tụng: 329.703 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo đồng cầm cố và giấy mượn xe nêu trên kể từ ngày 04/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thanh toán số tiền là 3.264.919 đồng. Trong đó tiền

gốc: 3.194.273 đồng, tiền lãi trong hạn là 70.646 đồng tính đến ngày 04/6/2024. Phía nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô đã cầm cố theo cam kết trên Giấy mượn xe ký ngày 29/11/2023, phí quản lý hồ sơ cố định: 32.112 đồng, tiền lãi quá hạn 159.686 đồng, phí mượn xe 1.123.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 255.542 đồng, chi phí tố tụng: 329.703 đồng và lãi suất, phí phát sinh theo đồng cầm cố và giấy mượn xe nêu trên kể từ ngày 04/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 3.264.919 đồng. Trong đó tiền gốc 3.194.273 đồng, tiền lãi 70.646 đồng

tính đến ngày 04/6/2024 theo hợp đồng cầm cố ngày 29/11/2023. Nội dung hợp đồng thỏa thuận nguyên đơn sẽ giải ngân cho bị đơn số tiền 6.240.000 đồng và có thỏa thuận lãi trong hạn là 1,1%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thanh toán số tiền là 3.264.919 đồng. Trong đó tiền gốc: 3.194.273 đồng, tiền lãi trong hạn là 70.646 đồng tính đến ngày 04/6/2024. Phía nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô đã cầm cố theo cam kết trên Giấy mượn xe ký ngày 29/11/2023, phí quản lý hồ sơ cố định: 32.112 đồng, tiền lãi quá hạn 159.686 đồng, phí mượn xe 1.123.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 255.542 đồng, chi phí tố tụng: 329.703 đồng và lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe nêu trên kể từ ngày 04/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 3.194.273 đồng. Thấy rằng, theo Hợp đồng cầm cố số: S5M231101006NA18X ngày 29/11/2023, các bên đã thỏa thuận bị đơn cầm cố tài sản là: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA, Loại: Wave RSX, Biển số: 83P3-393.20, Số khung RLHJF3803GY105246, Số máy: JA38E0222805, Giấy chứng nhận đăng ký số: 166005 do Công an tỉnh S cấp ngày 09/01/2018 để vay số tiền 6.240.000 đồng, thời hạn cầm cố: 06 tháng, ngày giải ngân: 29/11/2023. Lãi suất 1,1%/ tháng. Trong quá trình vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 4.065.587 đồng, trong đó tiền gốc: 3.045.727 đồng, tiền lãi: 1.172.772 đồng sau đó bị đơn đã không tiếp tục thực hiện trả vốn và lãi theo thỏa thuận, đến nay hợp đồng đã hết hạn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tất nợ cho nguyên đơn. Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,1%/tháng từ ngày 01/3/2024 đến ngày 04/6/2024 là 70.646 đồng. Thấy rằng, theo hợp đồng các bên đã thỏa thuận về thời hạn cầm cố là 06 tháng với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh trật tự đối với

một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận đã vi phạm hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 70.646 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S số tiền 3.264.919 đồng. Trong đó tiền gốc 3.194.273 đồng, tiền lãi 70.646 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà Nguyễn Thị Thùy D phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô đã cầm cố theo cam kết trên Giấy mượn xe ký ngày 29/11/2023, phí quản lý hồ sơ cố định:

32.112 đồng, tiền lãi quá hạn 159.686 đồng, phí mượn xe 1.123.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 255.542 đồng, chi phí tố tụng: 329.703 đồng và lãi suất, phí phát sinh theo đồng cầm cố và giấy mượn xe nêu trên kể từ ngày 04/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000266 ngày 02/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Kiều Oanh

